

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả điểm rèn luyện
của sinh viên K23 Dược liên thông năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Bình Phước, ban hành theo Quyết định số 68/QĐ-CĐBP ngày 15/04/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-CĐBP ngày 25/08/2023 của Trường Cao đẳng Bình Phước về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp của Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-CĐBP ngày 15/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên;

Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng xét kết quả học tập và rèn luyện cho học sinh, sinh, sinh viên ngày 05/06/2025 về việc xét điểm rèn luyện cho sinh viên năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện năm học 2024-2025 cho 91 sinh viên K23 Dược liên thông Trường Cao đẳng Bình Phước (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Điểm rèn luyện là căn cứ để đánh giá tiến độ học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, khen thưởng theo Quy chế. Điểm rèn luyện của sinh viên được lưu trong hồ sơ và được ghi vào bảng điểm học tập cuối khoá sinh viên.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, trưởng đơn vị có liên quan, giáo viên chủ nhiệm và sinh viên có tên trong danh sách tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Đăng website trường;
- Lưu: VT,ĐT (Sen).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Thành

KẾT QUẢ RÈN LUYỆN (NĂM HỌC 2024 - 2025)
LỚP 23CDLT.5A (BẠC CAO ĐẲNG, NGÀNH DƯỠC, KHÓA 2023-2025)

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1	23CDLT01	Nguyễn Thị Phương Anh	24/03/1990	88	Tốt			88	Tốt	
2	23CDLT02	Nguyễn Thị Xuân Cung	20/12/1993	89	Tốt			89	Tốt	
3	23CDLT05	Nguyễn Văn Dũng	10/11/1970	91	Xuất sắc			91	Xuất sắc	
4	23CDLT06	Nguyễn Thị Thùy Dương	13/06/1984	89	Tốt			89	Tốt	
5	23CDLT07	Lê Thị Đào	15/11/1976	89	Tốt			89	Tốt	
6	23CDLT08	Nguyễn Thị Hà	28/01/1983	89	Tốt			89	Tốt	
7	23CDLT10	Phạm Thị Thúy Hằng	09/06/1993	89	Tốt			89	Tốt	
8	23CDLT11	Phạm Thị Thái Hiền	15/04/1987	94	Xuất sắc			94	Xuất sắc	
9	23CDLT12	Tô Thị Hiền	25/01/1986	89	Tốt			89	Tốt	
10	23CDLT13	Nguyễn Thị Kim Hiếu	22/09/1987	85	Tốt			85	Tốt	
11	23CDLT14	Phạm Thị Ngọc Huệ	12/07/1991	89	Tốt			89	Tốt	
12	23CDLT15	Nguyễn Thị Mỹ Huệ	26/11/1984	90	Xuất sắc			90	Xuất sắc	
13	23CDLT16	Nguyễn Thị Khánh	16/12/1987	85	Tốt			85	Tốt	
14	23CDLT17	Hoàng Thị Khánh	02/04/1995	88	Tốt			88	Tốt	
15	23CDLT18	Nguyễn Thị Mỹ Linh	18/04/1979	88	Tốt			88	Tốt	
16	23CDLT19	Lê Thị Hồng Loan	20/03/1985	89	Tốt			89	Tốt	
17	23CDLT21	Nguyễn Thị Lựa	25/06/1993	89	Tốt			89	Tốt	
18	23CDLT22	Trần Thị Phương Mai	22/01/1982	90	Xuất sắc			90	Xuất sắc	
19	23CDLT23	Đỗ Thị Mười	01/06/1984	89	Tốt			89	Tốt	
20	23CDLT24	Nông Thị Mỹ	24/12/1992	89	Tốt			89	Tốt	
21	23CDLT25	Trần Thị Ngọc Nữ	24/01/1995	87	Tốt			87	Tốt	

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
22	23CDLT26	Phạm Thị Nga	28/01/1979	89	Tốt			89	Tốt	
23	23CDLT27	Trần Thị Bích	Phượng	06/10/1990	88	Tốt		88	Tốt	
24	23CDLT28	Lê Thị Kim	Sa	15/10/1985	82	Tốt		82	Tốt	
25	23CDLT30	Phạm Thị	Toán	12/04/1974	89	Tốt		89	Tốt	
26	23CDLT32	Trương Thanh	Tuấn	28/05/1989	89	Tốt		89	Tốt	
27	23CDLT33	Phạm Thị Bích	Thảo	03/10/1988	89	Tốt		89	Tốt	
28	23CDLT34	Tô Thị	Thảo	07/01/1990	87	Tốt		87	Tốt	
29	23CDLT35	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/07/1977	90	Xuất sắc		90	Xuất sắc	
30	23CDLT36	Hoàng Thị Thu	Thảo	02/07/1982	90	Xuất sắc		90	Xuất sắc	
31	23CDLT37	Nguyễn Thị	Thoi	18/08/1991	89	Tốt		89	Tốt	
32	23CDLT38	Nguyễn Thị Hoài	Thu	16/07/1982	90	Xuất sắc		90	Xuất sắc	
33	23CDLT40	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	22/04/1993	89	Tốt		89	Tốt	
34	23CDLT41	Nguyễn Thị	Út	30/12/1989	89	Tốt		89	Tốt	
35	23CDLT42	Đoàn Thị	Vân	23/08/1992	89	Tốt		89	Tốt	
36	23CDLT43	Lê Thị	Vân	12/12/1992	89	Tốt		89	Tốt	
37	23CDLT44	Hồ Thị Bích	Vân	06/05/1990	89	Tốt		89	Tốt	
38	23CDLT102	Nguyễn Thị Thùy	Nương	10/01/1991	82	Tốt		82	Tốt	

N T
 CÔNG
 ĐẢN
 PHÚC
 ★

Bảng thống kê học kỳ 2

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Xuất sắc	0	0.00
Tốt	0	0.00
Khá	0	0.00
T.bình khá	0	0.00
Trung bình	0	0.00
Yếu	0	0.00
Tổng	38	0.00

Bảng thống kê năm học

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Xuất sắc	7	18.42
Tốt	31	81.58
Khá	0	0.00
T.bình khá	0	0.00
Trung bình	0	0.00
Yếu	0	0.00
Tổng	38	100.00

Bình Phước, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Người lập



Hoàng Thị Mỹ Sen





KẾT QUẢ RÈN LUYỆN (NĂM HỌC 2024 - 2025)
LỚP 23CDLT.5B (BẠC CAO ĐẲNG, NGÀNH DƯỠC, KHÓA 2023-2025)

TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cả năm		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1	23CDLT45	Trương Thị Vân	Anh	24/04/1989	83	Tốt			83	Tốt	
2	23CDLT46	Nguyễn Văn	Bạc	26/06/1985	90	Xuất sắc			90	Xuất sắc	
3	23CDLT47	Nguyễn Văn	Bình	12/06/1986	84	Tốt			84	Tốt	
4	23CDLT48	Võ Quang	Hải	29/10/1974	91	Xuất sắc			91	Xuất sắc	
5	23CDLT49	Nguyễn Thị Hồng	Hiếu	26/03/1989	85	Tốt			85	Tốt	
6	23CDLT50	Nguyễn Nữ Ngọc	Huyền	12/11/2002	84	Tốt			84	Tốt	
7	23CDLT51	Trương Thị	Kiều	17/08/1989	84	Tốt			84	Tốt	
8	23CDLT52	Dương Thúy	Kiều	06/02/1984	87	Tốt			87	Tốt	
9	23CDLT53	Đinh Thị Thảo	Lan	28/12/1993	85	Tốt			85	Tốt	
10	23CDLT54	Lê Thị	Lệ	15/08/1981	83	Tốt			83	Tốt	
11	23CDLT55	Lê Thị	Liên	18/01/1985	84	Tốt			84	Tốt	
12	23CDLT56	Điêu Thị Kim	Liên	10/06/1980	87	Tốt			87	Tốt	
13	23CDLT57	Hồ Thị	Liên	07/07/1990	85	Tốt			85	Tốt	
14	23CDLT58	Hồ Thị Thanh	Nga	10/10/1994	85	Tốt			85	Tốt	
15	23CDLT59	Thị	Nga	12/02/1993	86	Tốt			86	Tốt	
16	23CDLT60	Đinh Thanh	Nghị	26/12/1977	81	Tốt			81	Tốt	
17	23CDLT61	Phan Thị Hồng	Nghĩa	10/02/1982	88	Tốt			88	Tốt	
18	23CDLT63	Dương Thị	Nguyệt	14/11/1991	87	Tốt			87	Tốt	
19	23CDLT64	Nguyễn Thị Thiên	Nhiên	12/03/1981	91	Xuất sắc			91	Xuất sắc	
20	23CDLT65	Nguyễn Văn	Tuyền	20/09/1991	82	Tốt			82	Tốt	
21	23CDLT66	Nguyễn Văn	Thắng	15/10/1989	82	Tốt			82	Tốt	



Handwritten signature or mark.

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
22	23CDLT67	Nguyễn Thị Thanh Thúy	05/12/1983	82	Tốt			82	Tốt	
23	23CDLT68	Nguyễn Thị Thùy Trang	17/11/1983	83	Tốt			83	Tốt	
24	23CDLT69	Lê Thị Trinh	10/09/1994	87	Tốt			87	Tốt	
25	23CDLT71	Phạm Thị Kim Viên	26/01/1966	88	Tốt			88	Tốt	
26	23CDLT103	Đỗ Thị Kim Hiếu	23/10/1983	88	Tốt			88	Tốt	

Bảng thống kê học kỳ 2

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Xuất sắc	0	0.00
Tốt	0	0.00
Khá	0	0.00
T.bình khá	0	0.00
Trung bình	0	0.00
Yếu	0	0.00
Tổng	26	0.00

Bảng thống kê năm học

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Xuất sắc	3	11.54
Tốt	23	88.46
Khá	0	0.00
T.bình khá	0	0.00
Trung bình	0	0.00
Yếu	0	0.00
Tổng	26	100.00

Bình Phước, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Người lập



Hoàng Thị Mỹ Sen





KẾT QUẢ RÈN LUYỆN (NĂM HỌC 2024 - 2025)
LỚP 23CDLT.5C (BẠC CAO ĐẲNG, NGÀNH DƯỠC, KHÓA 2023-2025)

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1	23CDLT72	Nguyễn Thị Ngọc Bích	16/02/1990	89	Tốt			89	Tốt	
2	23CDLT73	Lê sỹ Ca	30/07/1977	89	Tốt			89	Tốt	
3	23CDLT74	Trương Lệ Hằng	25/09/1985	87	Tốt			87	Tốt	
4	23CDLT75	Bùi Thị Hằng	17/12/1975	90	Xuất sắc			90	Xuất sắc	
5	23CDLT04	Kiều Thị Diễm	26/01/1998	90	Xuất sắc			90	Xuất sắc	
6	23CDLT76	Nguyễn Ngọc Hân	01/05/1978	91	Xuất sắc			91	Xuất sắc	
7	23CDLT78	Nguyễn Thị Hoa	04/12/1979	89	Tốt			89	Tốt	
8	23CDLT79	Đỗ Thị Huấn	06/08/1982	81	Tốt			81	Tốt	
9	23CDLT80	Lục Thị Huệ	07/11/1988	88	Tốt			88	Tốt	
10	23CDLT81	Nguyễn Thanh Hương	01/07/1973	90	Xuất sắc			90	Xuất sắc	
11	23CDLT82	Phạm Thị Kim Liên	10/05/1967	89	Tốt			89	Tốt	
12	23CDLT83	Phạm Thị Liễu	09/06/1985	89	Tốt			89	Tốt	
13	23CDLT84	Nguyễn Thị Mỹ Linh	25/03/1994	89	Tốt			89	Tốt	
14	23CDLT85	Nguyễn Thị Mai Lý	28/06/1985	88	Tốt			88	Tốt	
15	23CDLT86	Nguyễn Thị Mai	08/04/1988	89	Tốt			89	Tốt	
16	23CDLT88	Nguyễn Văn Niên	09/10/1967	89	Tốt			89	Tốt	
17	23CDLT89	Nguyễn Thị Ngân Soa	15/11/1971	90	Xuất sắc			90	Xuất sắc	
18	23CDLT90	Phạm Thị Minh Sương	10/09/1982	90	Xuất sắc			90	Xuất sắc	
19	23CDLT91	Nguyễn Thị Tâm	06/06/1985	88	Tốt			88	Tốt	
20	23CDLT92	Bùi Thị Tâm	17/05/1990	98	Xuất sắc			98	Xuất sắc	
21	23CDLT93	Võ Văn Thử	02/04/1985	89	Tốt			89	Tốt	



TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1		Học kỳ 2		Cả năm		Ghi chú
				Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
22	23CDLT95	Nguyễn Thị Kim Anh	10/10/1985	89	Tốt			89	Tốt	
23	23CDLT96	Phạm Thị Kim Chi	15/10/1976	90	Xuất sắc			90	Xuất sắc	
24	23CDLT97	Triệu Quốc Dũng	12/02/1962	89	Tốt			89	Tốt	
25	23CDLT98	Tổng Thị Huệ	03/02/1975	89	Tốt			89	Tốt	
26	23CDLT99	Nguyễn Thị Huệ	06/03/1997	89	Tốt			89	Tốt	
27	23CDLT104	Lại Thị Thùy	10/12/1979	89	Tốt			89	Tốt	

Bảng thống kê học kỳ 2

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Xuất sắc	0	0.00
Tốt	0	0.00
Khá	0	0.00
T.bình khá	0	0.00
Trung bình	0	0.00
Yếu	0	0.00
Tổng	27	0.00

Bảng thống kê năm học

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Xuất sắc	8	29.63
Tốt	19	70.37
Khá	0	0.00
T.bình khá	0	0.00
Trung bình	0	0.00
Yếu	0	0.00
Tổng	27	100.00

Bình Phước, ngày 05 tháng 6 năm 2025

Người lập



Hoàng Thị Mỹ Sen

